CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP SCI

Ngày 30/06/2025	7,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.0%	**0.3%**	**-7.1%**

DT thuần
Q2/25
428
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 40.0| 10.3%
YoY: ▲ 95.0| 28.5%

LN thuần
Q2/25
45.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 34.9| 339%
YoY: ▲ 37.4| 481%

LN sau thuế
Q2/25
35.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.2| 371%
YoY: ▲ 21.4| 148%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
19.6%
YoY: +/-▲ 8.2%

ROE (TTM)
Q2/25
1.9%
YoY: +/-▲ 0.7%

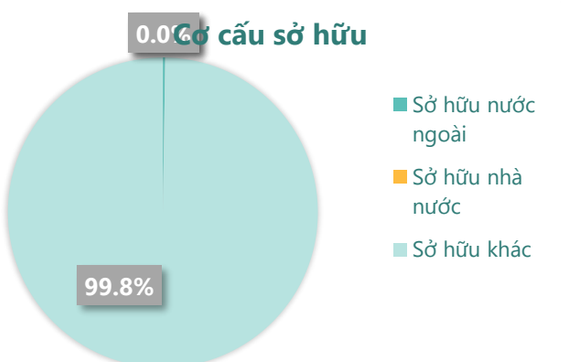
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,646 - 10,353
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	714
Số lượng CPLH (CP)	99,134,331
KLGD BQ 20 phiên (CP)	64,855
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.22
EPS	320
P/E	22.5

DT thuần
6T 2025
816
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 116| 16.6%

LN thuần
6T 2025
55.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 41.9| 307%

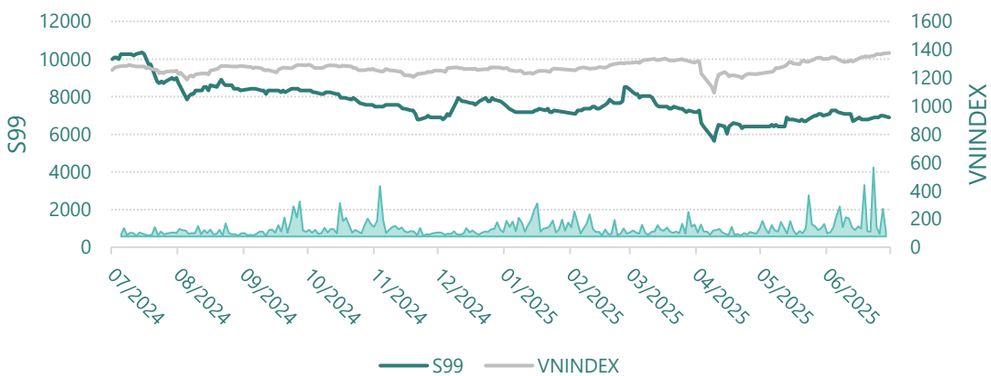
LN sau thuế
6T 2025
43.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.70| 4.1%

Cơ cấu sở hữu

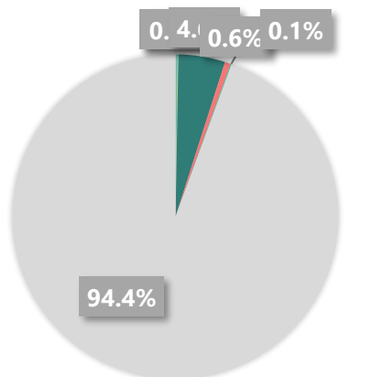


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

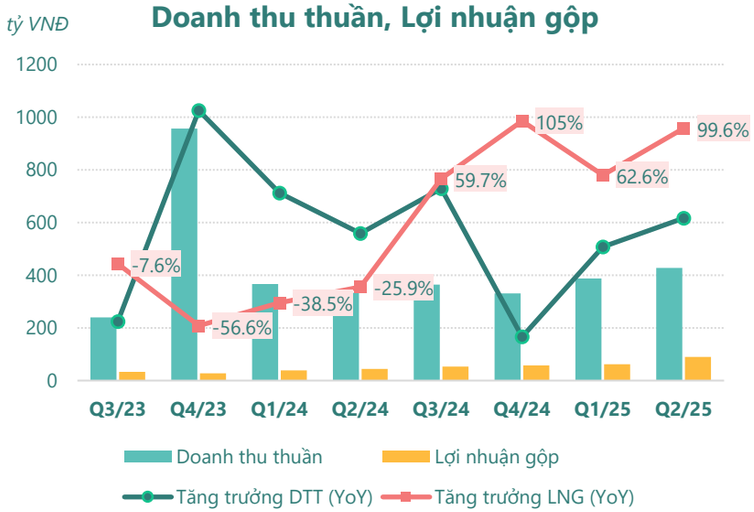


Nguyễn Công Hùng (Chủ tịch HĐQT)
Nguyễn Thị Thu Hường
Quỹ đầu tư Viettinbank Cap
Lương Thanh Tùng
Nguyễn Minh Hùng
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

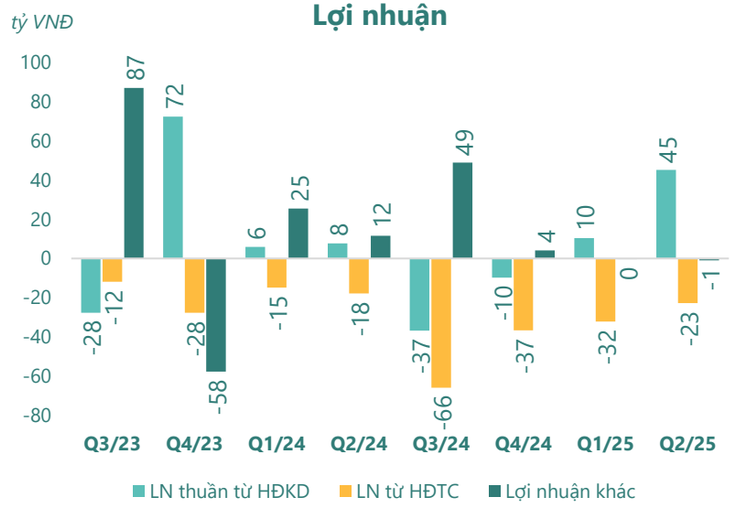
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



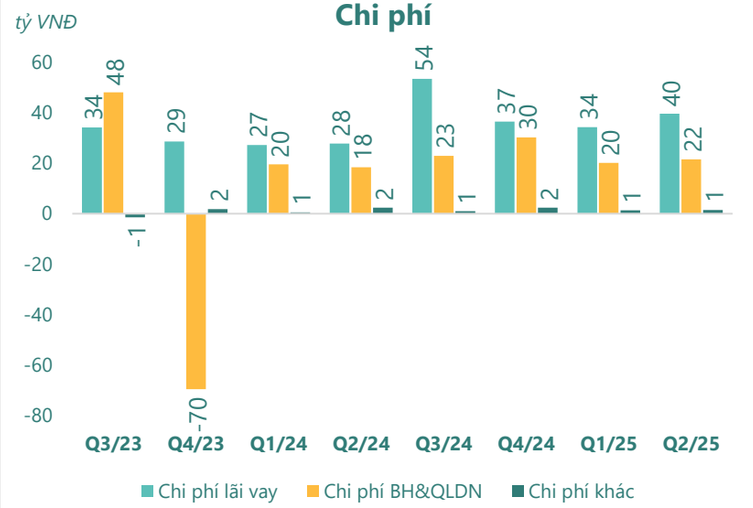
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



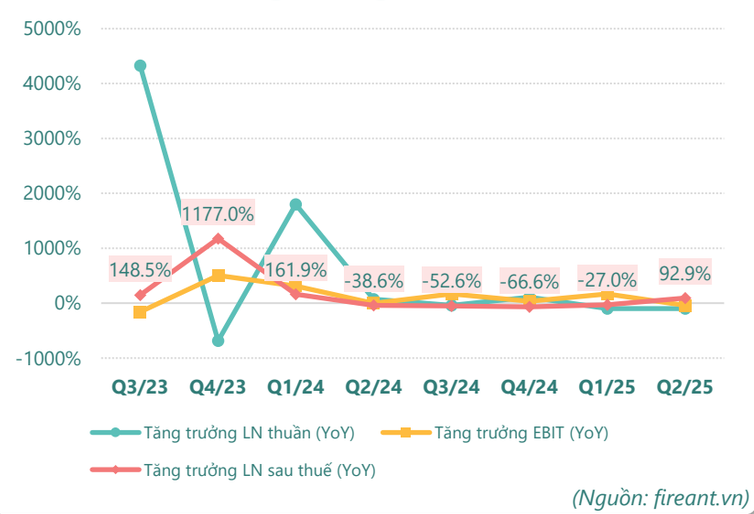
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



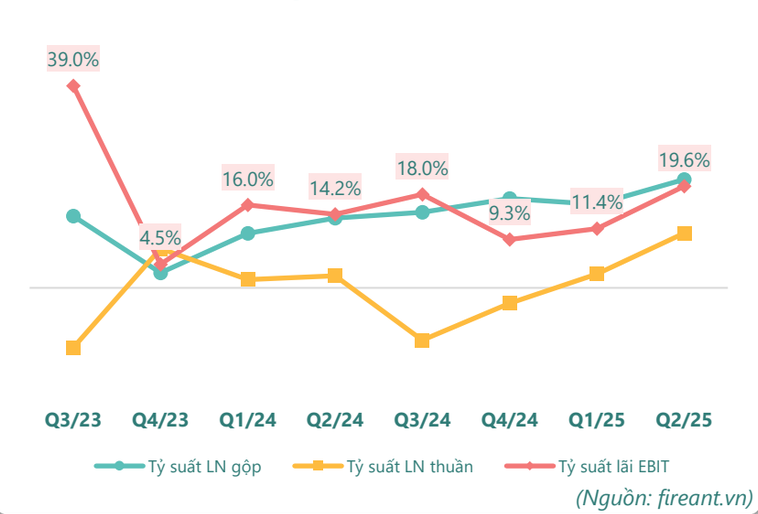
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



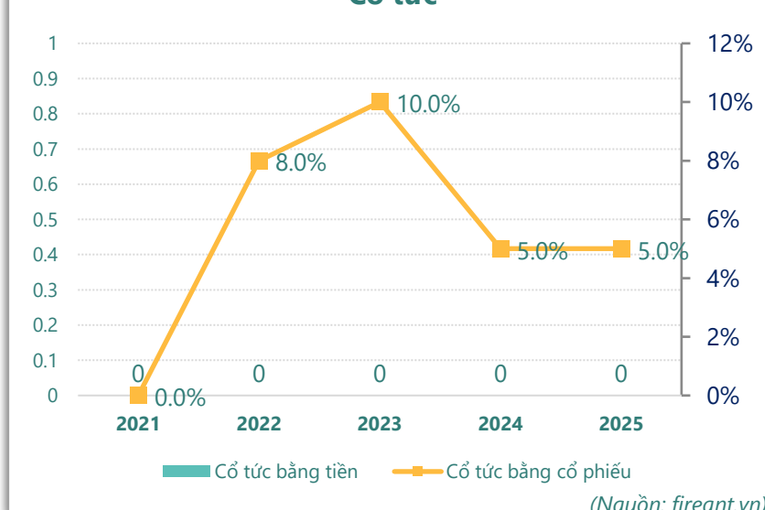
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

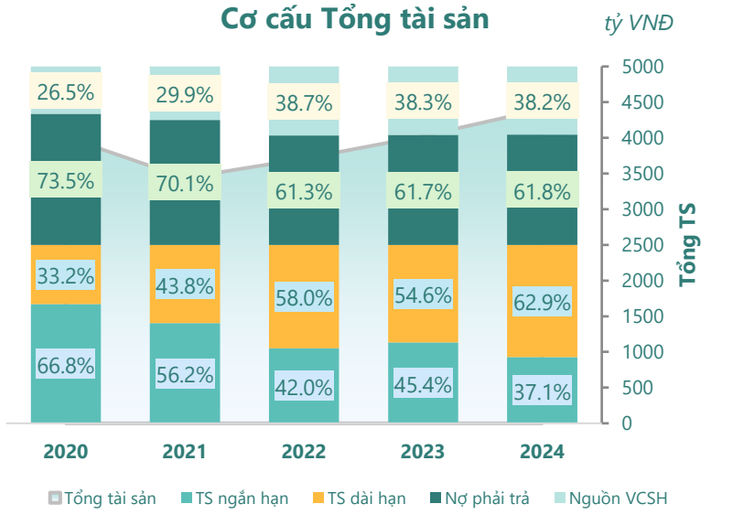
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

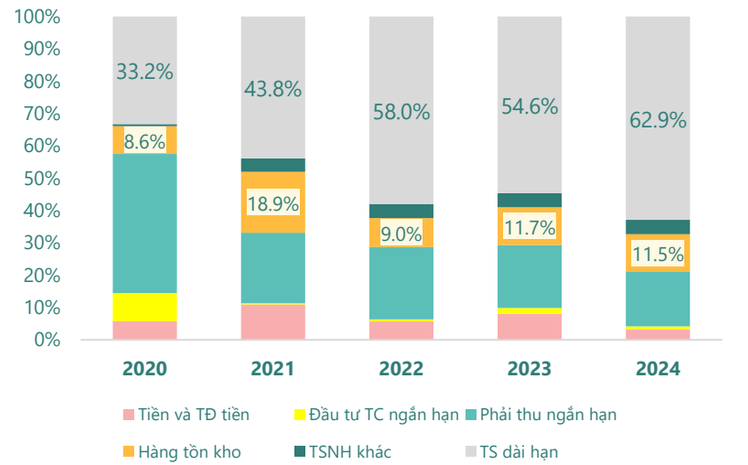
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



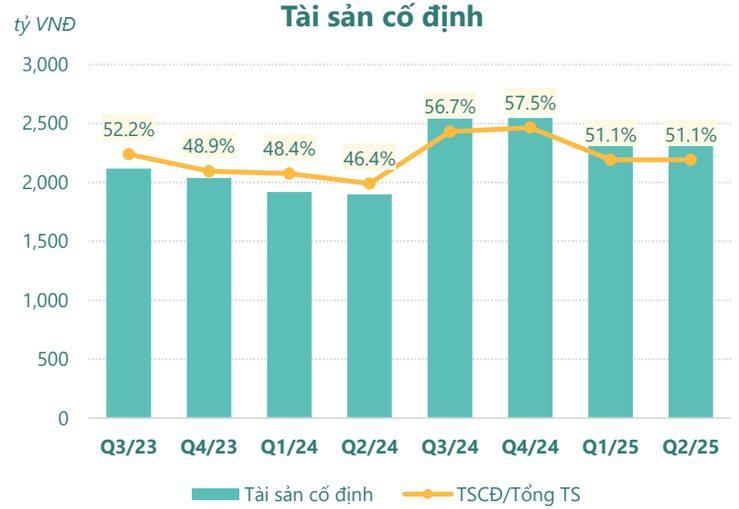
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



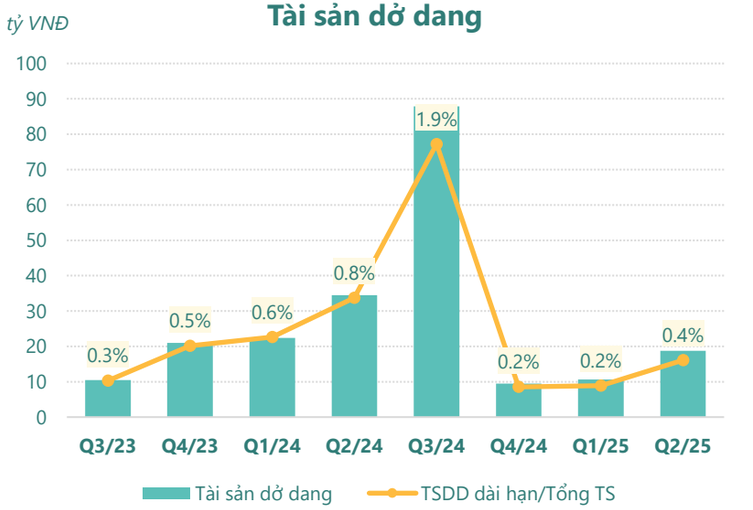
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



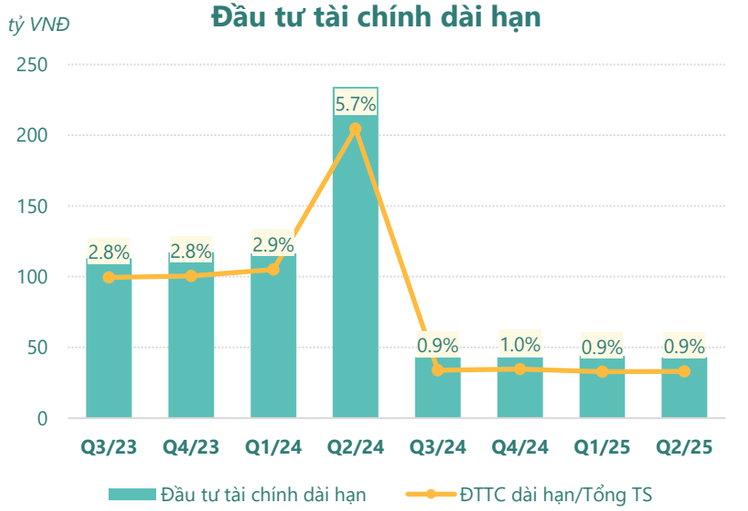
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



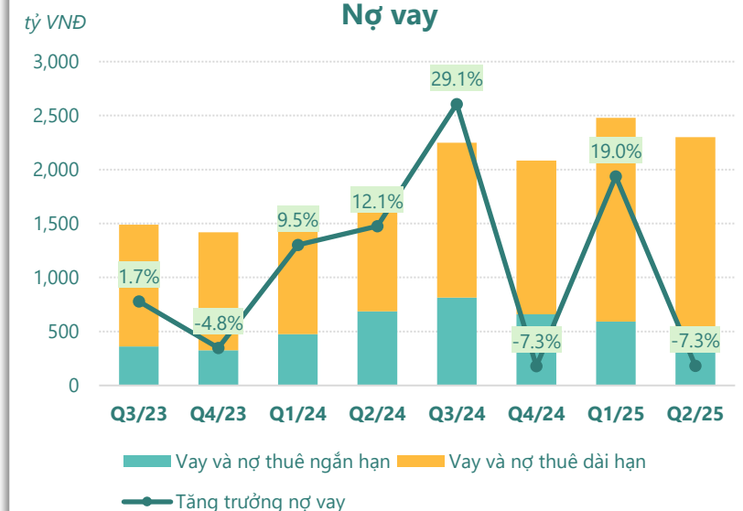
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

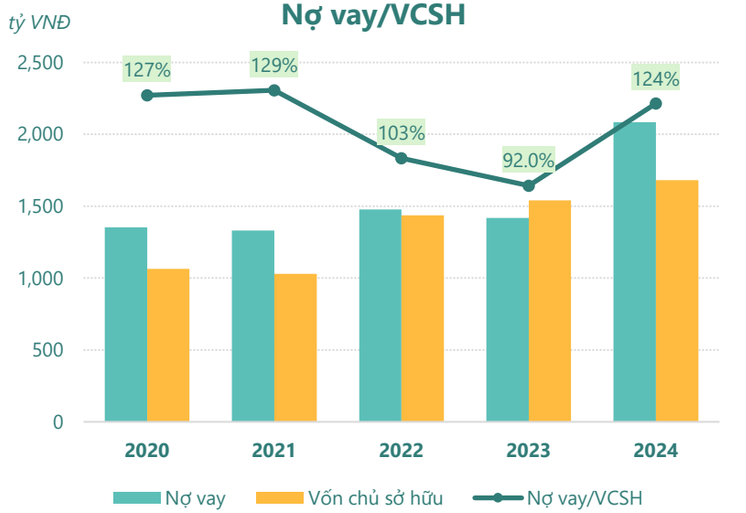
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

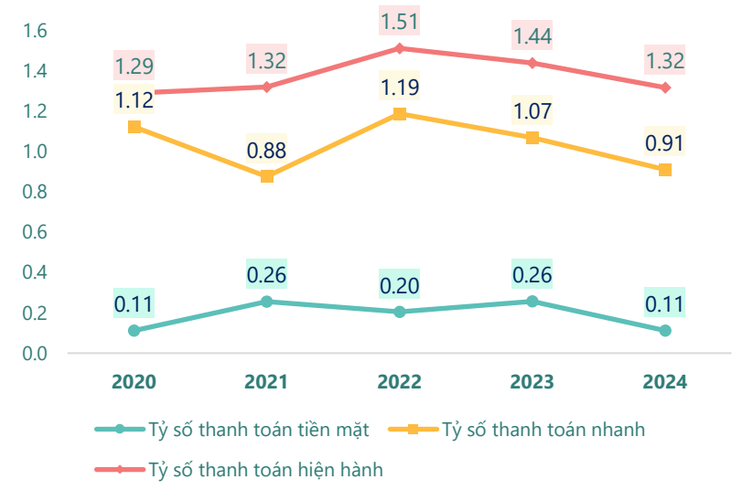
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



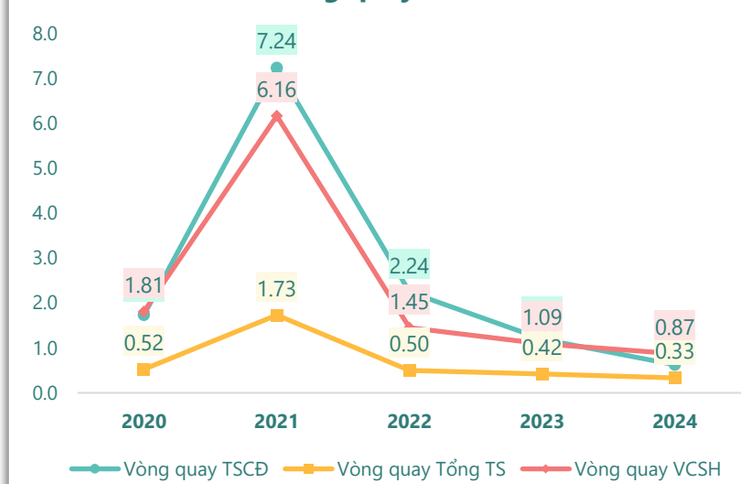
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



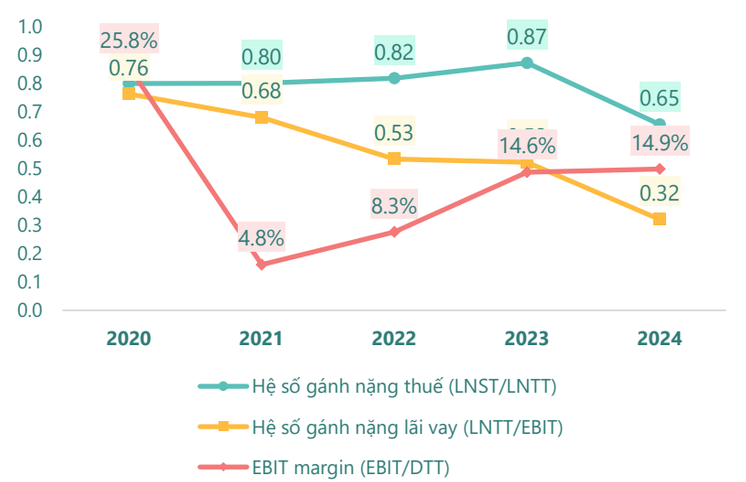
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



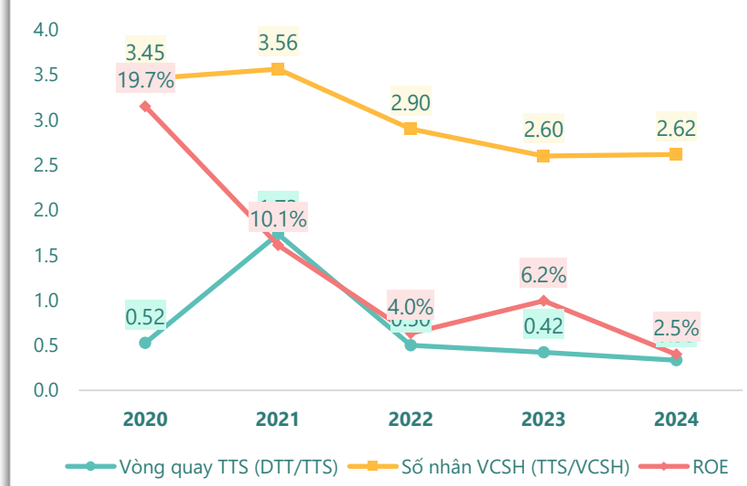
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



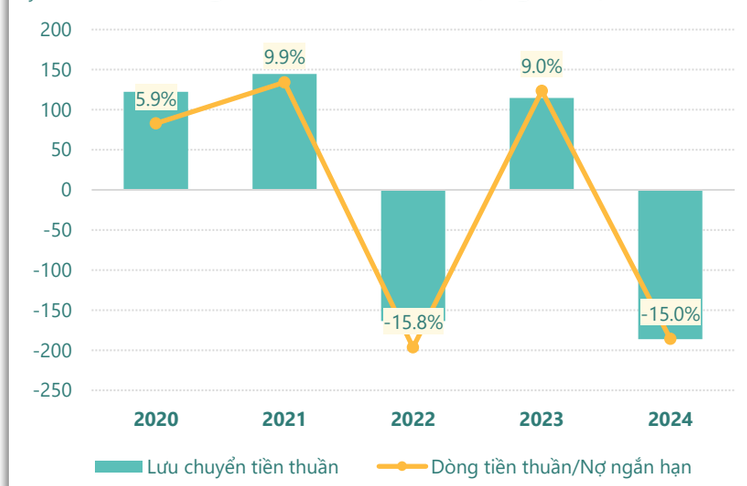
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**428**	**333**	**28.5%**	**816**	**700**	**16.6%**
Giá vốn hàng bán	338	288	17.5%	664	616	7.7%
Lợi nhuận gộp	89.5	44.8	99.8%	152	83.3	82.5%
Doanh thu HĐTC	28.3	13.2	114%	34.3	27.7	24.0%
Chi phí TC	51.1	31.0	64.9%	89.3	60.4	47.9%
Chi phí lãi vay	39.7	27.8	42.7%	74.0	55.1	34.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-0.72**	**100%**	**0**	**0.99**	**-100%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**21.5**	**18.5**	**16.3%**	**41.6**	**38.0**	**9.6%**
LN thuần từ HĐKD	45.2	7.78	481%	55.5	13.6	307%
Lợi nhuận khác	**-0.88**	**11.7**	**-108%**	**-1.21**	**37.1**	**-103%**
LN trước thuế	44.3	19.4	128%	54.3	50.8	6.9%
Lợi nhuận sau thuế	**35.8**	**14.4**	**148%**	**43.4**	**41.7**	**4.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**31.0**	**19.2**	**61.4%**	**39.7**	**41.7**	**-4.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-147	-238	241	141	15.6	172
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.7	-114	-744	11.3	-365	-38.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	135	174	521	-164	397	-181
Tiền đầu kỳ	326	298	120	138	139	186
Lưu chuyển tiền thuần	**-28.0**	**-177**	**18.4**	**-12.3**	**47.2**	**-46.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.16	-0.20	0.03	0	0.01	0.09
Tiền cuối kỳ	298	120	138	126	186	140

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,653**	**4,402**	**5.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,020	1,634	23.6%
Tiền và tương đương tiền	140	139	0.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	462	44.4	939%
Phải thu ngắn hạn	845	749	12.7%
Hàng tồn kho	376	504	-25.4%
Tài sản ngắn hạn khác	197	197	0.1%
Tài sản dài hạn	**2,633**	**2,768**	**-4.9%**
Phải thu dài hạn	1.61	1.46	10.2%
Tài sản cố định	2,379	2,516	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.8	9.35	101%
Đầu tư tài chính dài hạn	43.0	43.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**118**	**121**	**-2.6%**
Lợi thế thương mại	72.7	76.6	-5.0%
Nợ phải trả	2,931	2,721	7.7%
Nợ ngắn hạn	**1,044**	**1,240**	**-15.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	469	644	-27.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	176	183	-3.6%
Nợ dài hạn	1,887	1,481	27.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,831	1,440	27.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,722**	**1,681**	**2.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,722**	**1,681**	**2.5%**
Vốn điều lệ	991	991	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)